

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS - ST.

Ngày: 07 - 6 - 2023.

V/v “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Phương Đông.

2. Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST - DS, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 02/12/2008 âm lịch bà Nguyễn Thị L làm chủ hội mở một dây hội giá 300.000 đồng, gồm có 22 phần hội, 01 tháng mở hội 01 lần vào ngày 02, hội có lãi và mỗi kỳ mở hội bà L được hưởng hoa hồng là 100.000 đồng, bà Nguyễn Thị M tham gia 02 phần hội đến ngày 02/01/2009 âm lịch bà M hót 01 phần hội thứ nhất, sau khi hót hội bà M đã đóng được 09 lần còn 13 lần hội chết chưa đóng với số tiền 3.900.000 đồng và ngày 02/3/2009 âm lịch hót 01 phần hội thứ hai, sau khi hót hội bà M đã đóng được 10 lần còn 12 lần hội chết chưa đóng với

số tiền 3.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền nợ hui là 7.500.000 đồng.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà M, nhưng bà M từ chối nhận biên bản với lý do là bà không có tham gia chơi hui của bà L. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà M để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hui là 7.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui với bị đơn là bà Nguyễn Thị M. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Nguyễn Thị M hiện cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà M.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền hui là 7.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng vào ngày 02/12/2008 âm lịch (nhằm ngày 28/12/2008 dương lịch) bà Nguyễn Thị L làm chủ hui mở một dây hui giá 300.000 đồng, gồm có 22 phần hui, 01 tháng mở hui 01 lần vào ngày 02, hui có lãi và mỗi kỳ mở hui bà L được hưởng hoa hồng là 100.000 đồng, bà Nguyễn Thị M tham gia 02 phần hui đến ngày 02/01/2009 âm lịch bà

M hót 01 phần hội thứ nhất, sau khi hót hội bà M đã đóng được 09 lần còn 13 lần hội chết chưa đóng với số tiền 3.900.000 đồng và ngày 02/3/2009 âm lịch hót 01 phần hội thứ hai, sau khi hót hội bà M đã đóng được 10 lần còn 12 lần hội chết chưa đóng với số tiền 3.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền nợ hội là 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cung cấp cụ thể: Tại bút lục 11 thể hiện *“Hội tháng 300.000 đ khai ngày 02-12-2008 âm, khai mỗi tháng vào ngày 02, khai lúc 12 giờ trưa”* có danh sách những người tham gia góp hội do bà L viết tay không có chữ ký của bà L và những người tham gia góp hội và tại bút lục 76 lời khai của người làm chứng tên Nguyễn Thị Bích thể hiện *“Tôi có chơi hội của bà L vào năm 2008, khai hội tháng 300.000 đồng, khai vào ngày 02/12/2008 âm lịch, tôi tham gia 01 chung. Trong danh sách hội tôi thấy bà M tham gia hai chung và khi bà L đi gom hội thì tôi hỏi ai hót do tôi không đi khai thì bà L có nói cho tôi nghe là bà M hót hội còn việc bà M có hót và nợ bà L bao nhiêu tiền hội thì tôi không biết. Tôi chỉ biết sự việc nhưng vậy nên tôi từ chối làm chứng tại Tòa án”* thì các tài liệu, chứng cứ nêu trên mà nguyên đơn cung cấp không thể hiện việc bà M có tham gia chơi hội do bà L làm chủ hội.

Mặt khác, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được: Theo biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị M tại Công an xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và biên bản đối chất ngày 05/7/2012 bà M có trình bày *“ Tôi khẳng định tôi không có tham gia chơi dây hội này và tôi cũng không biết gì về dây hội này”*; đồng thời, tại bản án số 01/2013/HSST ngày 04/01/2013 thể hiện: *“hội tháng, 01 tháng khai 01 lần, loại hội 300.000 đồng khởi sự ngày 02/12/2008 AL (nhằm ngày 28/12/2008 DL) trong dây hội này theo danh sách bị cáo L cung cấp có 21 người tham gia (22 chung), nhưng thực tế chỉ có 15 người tham gia, kéo dài được 06 kì thì bế hội. Trong dây hội này, L đưa tên chị Thùy, Nguyễn Thị M (dì M), chị Thị, chị Quyền, cô Như, chị Như vào làm các hội viên không nhưng L chỉ dựa vào tên các hội viên chị Thùy, Nguyễn Thị M (hai chung) để hót không 02 phần”*.

Ngoài ra, nguyên đơn bà L không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc bà M có tham gia hội viên trong dây hội trên và còn nợ bà L số tiền hội là 7.500.000 đồng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà M không thừa nhận có chơi hội như bà L trình bày. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 20 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biểu phùng thì yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền hội còn nợ là 7.500.000 đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 20 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền hụi là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh